

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU
VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 82/2026/DS-ST

Ngày: 26-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 231/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Thập G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số D N, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ trước đây: Số D N, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang).

Chị G có đơn xin vắng mặt. Chị D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị G đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Gọi tắt là Công ty M) hoạt động trong lĩnh vực mua bán và cho thuê xe. Ngày 08/12/2023, Công ty M và chị Phạm Thị Thùy D1 có làm văn bản thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe, trong đó có nội dung như sau: Công ty M mua của chị D1 01 chiếc xe mô tô, loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, biển kiểm soát 63B2-960.73, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Trần Thị Thùy D với giá tiền 27.000.000 đồng. Công ty M đã thanh toán đủ số tiền này cho chị D.

Sau khi bán xe, chị D có nhu cầu muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống, nên Công ty M đồng ý cho chị D thuê xe trong thời hạn 03 tháng, từ ngày 08/4/2025 đến ngày 08/7/2025, với phí thuê là 2.160.000 đồng/tháng, được thanh toán mỗi 30 ngày một lần kể từ ngày bắt đầu thuê xe. Tuy nhiên, sau ngày ký “Thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe” là 08/4/2025 đến nay chị D chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê nào cho Công ty M và cũng không trả lại chiếc xe này cho Công ty M.

Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Thùy D trả ngay cho Công ty M 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, biển kiểm soát 63B2-960.73, số máy JK19E0033169, số khung RLHJK190XRZ007540, giá trị xe 27.000.000 đồng và tiền thuê xe, tạm tính từ ngày 08/4/2025 đến 21/8/2025 là hơn 4 tháng, nhưng tính là 4 tháng x 2.160.000 đồng = 8.640.000 đồng.

Chị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị G có đơn xin vắng mặt. Chị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị G, chị D theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, thấy rằng:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Thùy D trả ngay cho Công ty M 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, biển kiểm soát 63B2-960.73, số máy JK19E0033169, số khung RLHJK190XRZ007540, giá trị xe 27.000.000 đồng và tiền thuê xe, tạm tính từ ngày 08/4/2025 đến 21/8/2025 là hơn 4 tháng, nhưng tính là 4 tháng x 2.160.000

đồng = 8.640.000 đồng. Nhưng chị D không phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty M, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, chị D có nghĩa vụ trả ngay cho Công ty M 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, biển kiểm soát 63B2-960.73, số máy JK19E0033169, số khung RLHJK190XRZ007540, giá trị xe 27.000.000 đồng và tiền thuê xe là 8.640.000 đồng, theo quy định tại Điều 481 và Điều 482 của Bộ luật Dân sự.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

[4] Về án phí: Chị D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 468, các điều 472, 481 và 482 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

2. Buộc chị Trần Thị Thùy D có nghĩa vụ trả ngay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, biển kiểm soát 63B2-960.73, số máy JK19E0033169, số khung RLHJK190XRZ007540, giá trị xe 27.000.000 đồng và tiền thuê xe là 8.640.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải chịu 1.782.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền 891.000 đồng đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008601, ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn M và chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi Cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức